| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN H**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** |

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 17-9-2019

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Vương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Bà Nguyễn Thị Nghĩa.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Thu D - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: ấp 4, xã MTD, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Võ Văn Đàn - Văn phòng luật sư Phạm Văn C, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Long An. (Có mặt).

*2. Bị đơn:* Bà Hồ Thị M - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn DT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Ngô Hùng A - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn DT, huyện H, tỉnh Long An. (vắng mặt).

*Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Hùng A:* Bà Hồ Thị M - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn DT, huyện H, tỉnh Long An- Văn bản ủy quyền ngày 04-7-2019. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo các đơn khởi kiện: Đơn khởi kiện đề ngày 15-5-2019, Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 28-5-2019 và Đơn khởi kiện thay thế đề ngày 05-6-2019 (thay thế đơn kiện ngày 15-5-2019 và đơn kiện bổ sung ngày 28-5-2019), các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Thu D trình bày và yêu cầu:

Bà có cho bà Hồ Thị M vay tiền nhiều lần, có lập biên nhận tiền, bà M có ký tên vào biên nhận, cụ thể như sau:

+ Biên nhận thứ 1: Ngày 02-3-2018 vay 20.000.000 đồng, ngày 06-3-2018 vay 28.000.000 đồng, ngày 09-3-2018 vay 20.000.000 đồng; Tổng cộng 68.000.000 đồng.

+ Biên nhận thứ 2: Ngày 15-3-2018 vay 270.000.000 đồng, ngày 27-3-2018 vay 130.000.000 đồng, ngày 16-4-2018 vay 140.000.000 đồng, ngày 07-5-2018 vay 60.000.000 đồng, ngày 18-5-2018 vay 110.000.000 đồng; Tổng cộng 710.000.000 đồng.

+ Biên nhận thứ 3: Ngày 29-5-2018 vay 90.000.000 đồng, ngày 06-6-2018 vay 110.000.0000 đồng, ngày 14-6-2018 vay 90.000.000 đồng; Tổng cộng 290.000.000 đồng.

+ Biên nhận thứ 4: Ngày 16-6-2018 vay 8.000.000 đồng.

+ Biên nhận thứ 5: ngày 15-8-2018 vay 12.000.0000 đồng.

Khi vay thỏa thuận bằng lời nói 5%/tháng, nhưng từ khi vay đến nay bà M không trả lãi và gốc cho bà. Quá trình vay mượn tiền có ông Ngô Hùng A (chồng bà M) chở bà M đi nên biết. Tổng số tiền bà M nợ là 1.088.000.000 đồng.

Sau khi bà M xuất trình chứng cứ chuyển khoản 70.000.000 đồng và cho rằng chuyển cho bà, bà đã liên hệ với em bà là bà Đỗ Thị Huyền Trang và bà Trang đã xác nhận nên bà thống nhất trừ 70.000.000 đồng vào tiền gốc. Biên nhận 270.000.000 đồng bị gạch xóa do con của bà còn nhỏ không biết gì nên đã gạch xóa. Bà M không có trả số tiền 90.000.000 đồng cho bà.

Nay bà yêu cầu bà M và ông A liên đới trả cho bà số tiền 1.018.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu trả lãi, không đồng ý cho bà M trả dần.

- Tại Bản tự khai ngày 26-6-2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là bà Hồ Thị M (đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Hùng A) trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền như bà Võ Thị Thu D trình bày; Về lãi suất, thỏa thuận bằng lời nói 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, trả lãi vào ngày 10 hàng tháng; Số tiền bà vay để chi tiêu cho sinh hoạt và việc làm ăn kinh doanh xe du lịch của gia đình, do làm ăn gặp trở ngại nên chưa có điều kiện trả cho bà D. Hai khoản vay 270.000.000 đồng ngày 15-3-2018 và 90.000.000 đồng ngày 29-5-2018 bà đã trả cho bà D xong. Bà D đã gạch bỏ biên nhận 270.000.000 đồng, biên nhận 90.000.000 đồng bà yêu cầu bà D gạch bỏ nhưng bà D không gạch, do giao dịch miệng nên bà không có chứng cứ chúng minh. Số tiền chuyển khoản 70.000.000 đồng là trả lãi. Bà đã trả lãi đến ngày 31-01-2019 không còn khả năng chi trả, nên nhờ người thân đến nhà gặp bà

D để giải quyết các khoản vay nhưng không gặp. Trong quá trình bày khám chữa bệnh đã làm mất giấy tờ tùy thân cũng như sổ ghi các khoản tiền vay nên nay không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Khoản tiền vay ông A không có ký nhận nên không có trách nhiệm trả. Bà đồng ý trả cho bà D số tiền 728.000.000 đồng; Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà D thống nhất số tiền chuyển khoản là tiền gốc nên đề nghị trừ ra; bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho bà M đối với khoản tiền 270.000.000 đồng và 90.000.000 đồng nên đề nghị không chấp nhận; Không có thỏa thuận khi trả tiền gạch xóa biên nhận và không có tài liệu khác chứng minh đã trả số tiền này nên đề nghị không chấp nhận trình bày của bà M; Việc bà D không yêu cầu trả lãi là có lợi cho bà M; các khoản tiền vay phục vụ đời sống và kinh tế của gia đình nên ông A có nghĩa vụ liên đới trả; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, buộc bà M và ông A liên đới trả cho bà D 1.018.000.000 đồng. Bà D không yêu cầu tính lãi.

Vụ án được hòa giải ở Tòa án nhưng không thành.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Thu D khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bà Hồ Thị M, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Xét trình bày của các bên đương sự:

[3] Về thời gian vay, số tiền vay và hình thức xác lập hợp đồng: Bà D và bà M thống nhất về thời gian vay, số tiền vay theo trình bày của bà D; Về hình thức xác lập hợp đồng chỉ lập giấy tay do bà M ký và viết, không có thế chấp tài sản. Việc thống nhất của đương sự là tự nguyện nên ghi nhận.

[4] Về lãi suất: Bà D cho rằng lãi suất thỏa thuận bằng lời nói mức 5%/tháng; Bà M cho rằng lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 8.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên chấp nhận lãi suất theo thừa nhận của bà D với lãi suất 5%/tháng.

[5] Về thời hạn vay: Bà D và bà M cho rằng không thỏa thuận thời hạn vay; Việc thống nhất của đương sự là tự nguyện nên ghi nhận.

[6] Về số tiền gốc:

[6.1] Bà D cho rằng bà M nợ bà D 1.088.000.000 đồng, thống nhất việc bà D trả cho bà 70.000.000 đồng tiền gốc (chuyển khoản), nên tại phiên tòa yêu cầu bà M và ông A liên đới trả cho bà D số tiền gốc còn lại là 1.018.000.000 đồng.

[6.2] Bà M thống nhất nợ bà D 1.088.000.000 đồng, nhưng cho rằng đã trả cho bà D khoản vay 270.000.000 đồng ngày 15-3-2018 và 90.000.000 đồng ngày 29-5-2018; số tiền 70.000.000 đồng chuyển khoản là tiền lãi; Bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền lãi và gốc đã trả cho bà D, trình bày chứng từ 270.000.000 bị gạch xóa, số tiền 90.000.000 đồng yêu cầu bà D gạch bỏ bà D không thực hiện.

[6.3] Xét trình bày của D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D và bà M đều có căn cứ chấp nhận một phần:

Biên nhận 270.000.000 đồng bà D nộp cho Tòa án bị gạch chéo bằng mực xanh sau đó đồ lại theo vết mực xanh bằng mực bút xóa, trên cùng trang giấy có thêm phần biên nhận 130.000.000 đồng nhưng không bị gạch xóa, các biên nhận khác không bị gạch xóa, nên trình bày của bà D về việc con bà không biết nên gạch xóa là không có căn cứ, trình bày của bà M về việc trả 270.000.000 đồng cho bà D là có căn cứ, nên trừ lại trên tổng số tiền gốc;

Khoản tiền 90.000.000 đồng bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả nên không có căn cứ chấp nhận theo trình bày của bà M;

Khoản tiền 70.000.000 đồng chuyển khoản ngày 29-11-2018, bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh là tiền lãi nên chấp nhận theo trình bày của bà D là tiền gốc, nên trừ lại trên tổng số tiền gốc.

Như vậy số tiền gốc còn lại là: 748.000.000 đồng. [1.088.000.000 đồng - (70.000.000 đồng + 270.000.000 đồng)].

[7] Xét về tiền lãi:

[7.1] Tại phiên tòa, bà D cho rằng bà M chưa trả lãi cho bất cứ khoản vay nào; Bà M cho rằng đã trả lãi đến 30-01-2019 mới ngưng trả lãi. Bà M trình bày đã trả lãi nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, tuy nhiên xét trình bày của bà M phù hợp một phần với trình bày của bà D: Theo đơn khởi kiện và Tờ tự khai cùng đề ngày 15-5-2019, bà D xác định: "Những lần bà M vay theo từng mốc thời gian trên đều là lãi suất 5%/tháng. Bà M có trả lãi theo thỏa thuận khi mượn vay. Tuy nhiên đến ngày 15-8-2018 thì bà M không đóng lãi nữa ...". Như vậy, bà D đã xác nhận bà M đã trả lãi đầy đủ cho các khoản vay theo mức lãi suất 5%/tháng, đến ngày 15-8-2018 bà M ngưng trả lãi; Tòa án ra thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện để bà D trình bày cụ thể về số tiền lãi nhưng bà D không thực hiện và thay đổi nội dung trình bày sang không có nhận lãi là không phù hợp; Do bà M không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên ghi nhận theo trình bày của bà D.

[7.2] Về thời gian trả lãi đến ngày 15-8-2018;

[7.3] Về số tiền lãi đã trả tính theo từng khoản nợ vay, cụ thể:

- Khoản vay ngày 02-3-2018: 5.434.200 đồng (20.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 05 tháng 13 ngày từ ngày 02-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 06-3-2018: 7.420.840 đồng (28.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 05 tháng 09 ngày từ ngày 06-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 09-3-2018: 5.200.400 đồng (20.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 05 tháng 06 ngày từ ngày 09-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 15-3-2018: 67.500.000 đồng (270.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 05 tháng từ ngày 15-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 27-3-2018: 29.907.800 đồng (130.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 04 tháng 18 ngày từ ngày 27-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 16-4-2018: 27.780.200 đồng (140.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 03 tháng 29 ngày từ ngày 16-4-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 07-5-2018: 9.801.600 đồng (60.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 03 tháng 08 ngày từ ngày 07-5-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 18-5-2018: 15.959.900 đồng (110.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 02 tháng 27 ngày từ ngày 18-5-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 29-5-2018: 11.404.800 đồng (90.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 02 tháng 16 ngày từ ngày 29-5-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 06-6-2018: 12.653.300 đồng (110.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 02 tháng 09 ngày từ ngày 06-6-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 14-6-2018: 9.150.300 đồng (90.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 02 tháng 01 ngày từ ngày 14-6-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 16-6-2018: 787.440 đồng (8.000.000 đồng x 5%/tháng, 0,167%/ngày x 01 tháng 29 ngày từ ngày 16-6-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 15-8-2018 (12.000.000 đồng): Không trả lãi.

Tổng cộng, bà D đã nhận 203.000.780 đồng tiền lãi.

[7.4] Do bà D tính lãi suất 5%/tháng là không phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, cần điều chỉnh lại cho phù hợp (lãi suất 20%/năm hoặc 1,667%/tháng hoặc 0,0556%/ngày); Số tiền lãi được điều chỉnh lại theo quy định pháp luật là:

- Khoản vay ngày 02-3-2018: 1.811.560 đồng (20.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 05 tháng 13 ngày từ ngày 02-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 06-3-2018: 2.473.912 đồng (28.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 05 tháng 09 ngày từ ngày 06-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 09-3-2018: 1.733.720 đồng (20.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 05 tháng 06 ngày từ ngày 09-3-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 15-3-2018: 22.504.500 đồng (270.000.000 đồng x 1,667%/tháng, hoặc 0,0556%/ngày x 05 tháng từ ngày 15-3-2018 đến ngày 15-8-2018);

- Khoản vay ngày 27-3-2018: 9.969.440 đồng (130.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 04 tháng 18 ngày từ ngày 27-3-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 16-4-2018: 9.258.760 đồng (140.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 03 tháng 29 ngày từ ngày 16-4-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 07-5-2018: 3.267.480 đồng (60.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 03 tháng 08 ngày từ ngày 07-5-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 18-5-2018: 5.318.720 đồng (110.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 02 tháng 27 ngày từ ngày 18-5-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 29-5-2018: 3.801.240 đồng (90.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 02 tháng 16 ngày từ ngày 29-5-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 06-6-2018: 4.217.840 đồng (110.000.0000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 02 tháng 09 ngày từ ngày 06-6-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 14-6-2018: 3.050.640 đồng (90.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 02 tháng 01 ngày từ ngày 14-6-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 16-6-2018: 262.352 đồng (8.000.000 đồng x 1,667%/tháng, 0,0556%/ngày x 01 tháng 29 ngày từ ngày 16-6-2018 đến ngày 15-8-2018;

- Khoản vay ngày 15-8-2018: Không trả lãi.

Tổng số lãi được điều chỉnh lại là 67.670.164 đồng.

[7.5] Khấu trừ với số tiền lãi bà D đã nhận, bà M còn thừa 135.330.616 đồng tiền lãi (203.000.780 đồng - 67.670.164 đồng).

[7.6] Bà D không yêu cầu trả lãi tiếp theo là tự nguyện nên ghi nhận.

[8] Cần khấu trừ số tiền lãi dư ra vào phần tiền gốc là phù hợp. Số tiền gốc còn lại là 612.669.384 đồng (748.000.000 đồng - 135.330.616 đồng).

[9] Ông Ngô Hùng A và bà M đang là vợ chồng còn trong thời kỳ hôn nhân, việc vay nợ phục vụ đời sống và kinh tế gia đình, việc bà D yêu cầu bà M và ông Hùng A liên đới trả tiền cho bà D là phù hợp; Bà M cho rằng ông Hùng A không có trách nhiệm trả nợ cho bà D là không có căn cứ.

[10] Như vậy, tổng cộng bà M, ông Hùng A còn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D là 612.669.384 đồng.

[11] Việc bà M cho rằng hiện gia đình khó khăn đề nghị được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng là không có căn cứ chấp nhận.

[12] Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[13] Bà D được chấp nhận yêu cầu 612.669.384 đồng, bị bác yêu cầu 405.330.616 đồng (1.018.000.000 đồng - 612.669.384 đồng).

[14] Tại phiên tòa, bà M xuất trình chứng cứ là tin nhắn điện thoại, nhưng bà M cũng xác định không có tin nhắn xác nhận việc bà D nhận tiền của bà M, nên không cần phải truy xuất tin nhắn dùng làm chứng cứ là phù hợp.

[15] Tại phiên tòa bà D thống nhất bà Đỗ Thị Huyền Trang nhận số tiền 70.000.000 đồng do bà M chuyển khoản là nhận cho bà D nên không cần phải đưa bà Trang tham gia tố tụng là phù hợp.

[16] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy:

Bà D bị bác yêu cầu 405.330.616 đồng nên phải chịu 20.213.225 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 22.320.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, trả lại cho bà D 2.106.775 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M và ông A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D 612.669.384 đồng nên phải chịu 28.506.775 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Hồ Thị M và ông Ngô Hùng A có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị Thu D 612.669.384 đồng (Sáu trăm mười hai triệu, sáu trăm sáu mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Võ Thị Thu D phải chịu 20.213.225 đồng (Hai mươi triệu, hai trăm mười ba nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 22.320.000 đồng (Hai mươi hai triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, theo biên lai thu số 0004575 ngày 11-6-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, trả lại cho bà D 2.106.775 đồng (Hai triệu, một trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Hồ Thị M và ông Ngô Hùng A có nghĩa vụ liên đới chịu 28.506.775 đồng (Hai mươi tám triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 17-9-2019).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Hùng Vương**